

**TAND TP. PHAN THIẾT**  
**TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 28/2019 /DSST

Ngày: 16/9/2019.

Về việc: “*Tranh chấp HĐ vay tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

## **NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:*

*Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hòa- Thẩm phán.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- 1. Ông Đỗ Văn Hòa**
- 2. Ông Đặng Thanh Tấn**

*Đại diện Việt kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa:*

Bà Trương Thị Mỹ Thuận – Kiểm sát viên.

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Trang– Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.*

---

Ngày 16 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 147/2019/TLST-DS ngày 29/5/2019 “*V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 247/2019/QĐXXST–DS ngày 07/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 269/2019/QĐST-DS ngày 23/8/2019, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1972 (có mặt).

Nơi cư trú: khu phố 03, phường P, Tp. P, tỉnh Bình Thuận.

**Bi đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1961 (vắng mặt).

Ông Nguyễn S, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Khu phố 02, phường P, Tp. P, tỉnh Bình Thuận.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

**\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:**

Do xuất phát từ mối quan hệ quen biết nên vào ngày 15/12/2016 (âm lịch) bà có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961 và ông Nguyễn S, sinh năm 1960, cư ngụ tại khu phố 02, phường P, Tp. P vay số tiền 10.000.000 đồng để bổ sung vốn làm ăn. Thời gian vay đến ngày 15/10/2017 (âm lịch) và lãi suất 0%.

Tuy nhiên, đến thời hạn trả nợ vợ chồng bà H, ông S chỉ trả cho bà được 2.000.000 đồng, số tiền còn lại mặc dù bà đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng bà H không trả nợ. Ngày 05/12/2018 bà làm đơn khởi kiện vợ chồng bà H yêu cầu trả số tiền còn lại là 8.000.000 đồng; sau khi được Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết thụ lý giải quyết thì ngày 21/01/2019 vợ chồng H làm giấy cam kết mỗi tháng trả 1.000.000 đồng bắt đầu từ ngày 20/02/2019 (âm lịch) tức là ngày 25/3/2019 cho đến khi hết số tiền 8.000.000 đồng nên bà đã rút đơn khởi.

Đến hạn trả tiền, bà đã nhiều lần đến gặp vợ chồng bà H để đòi nhưng vợ chồng bà H vẫn không trả.

Nay bà yêu cầu bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn S phải trả cho bà số tiền còn nợ là 8.000.000 (*Tám triệu*) đồng và không yêu cầu tính lãi.

**\* Bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn S, trình bày:**

Mặc dù, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo nộp văn bản ghi ý kiến, cung cấp tài liệu, chứng cứ; yêu cầu phản tố... nhưng bị đơn vẫn không trình bày cũng như cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Vụ việc đã được Tòa án hòa giải nhưng không được do bị đơn không đến tham gia hòa giải.

Sau khi những người tham gia tố tụng trình bày ý kiến, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, của nguyên đơn; kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Bị đơn chấp hành chưa tốt các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử, xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn S phải trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền còn nợ là 8.000.000 đồng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1] Về trình tự thủ tục tố tụng:** Bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn S, hiện nay đang cư trú tại khu phố 02, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Căn

cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn S đã được Tòa án nhân dân Tp. Phan Thiết triệu tập hợp lệ lần thứ 2 đến phiên tòa nhưng bà H, ông S vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

**[2] Về nội dung vụ án:**

Ngày 15/12/2016 (âm lịch) vợ chồng bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961 và ông Nguyễn S, sinh năm 1960, cư ngụ tại khu phố 02, phường P, Tp. P có vay của bà Nguyễn Thị M số tiền 10.000.000 đồng để bổ sung vốn làm ăn. Thời gian vay đến ngày 15/10/2017 (âm lịch) và lãi suất 0%.

Sau đó, vợ chồng bà H đã trả được 2.000.000 đồng, số tiền còn lại 8.000.000 đồng mặc dù bà M đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng bà H vẫn không trả. Ngày 05/12/2018 bà M khởi kiện vợ chồng bà H ra Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết; sau khi Tòa án thụ lý thì ngày 29/01/2019, vợ chồng bà H viết giấy cam kết mỗi tháng trả 1.000.000 đồng bắt đầu từ ngày 20/02/2019 (âm lịch) tức là ngày 25/3/2019 cho đến khi hết số tiền 8.000.000 đồng nên bà M đã rút đơn khởi. Sau khi bà M rút đơn thì vợ chồng bà H cũng không thực hiện theo đúng cam kết.

Nay bà yêu cầu bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn S phải trả cho bà số tiền là 8.000.000 (*Tám triệu*) đồng còn nợ.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn S không có mặt chứng tỏ bà H, ông S đã khước từ quyền tham gia tố tụng của mình, nên việc xét xử vắng mặt bà H, ông S là phù hợp, đảm bảo quyền chính đáng, hợp pháp của bà M.

Ngoài lời khai này của bà M, thì bà H, ông S mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về việc giao nộp chứng cứ và yêu cầu phản tố, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải...nhưng bà H, ông S cũng không cung cấp cho Tòa án chứng cứ nào khác.

Hội đồng xét xử, xét thấy căn cứ vào giấy mượn tiền đề ngày 15/12/2016 (âm lịch) với nội dung “*Bà Nguyễn Thị M có cho bà Nguyễn Thị H mượn số tiền 10.000.000 đồng để bổ sung vốn làm ăn. Thời gian mượn tiền là 10 tháng (tính từ ngày 15/12/2016 (âm lịch) đến ngày 15/10/2017 (âm lịch)...*”; giấy đề ngày 21/01/2019 nội dung “*Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn S có hẹn vào ngày 20 tháng 2 âm lịch (25/3/2019) bắt đầu trả nợ mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến hết số tiền nợ là 8.000.000 đồng*”. Như vậy, có đủ căn cứ xác định bà Nguyễn Thị H

và ông Nguyễn S có vay của bà Nguyễn Thị M tổng số tiền là 10.000.000 đồng nhưng đã trả được 2.000.000 đồng, số tiền còn lại là 8.000.000 đồng. Do đó, bà M yêu cầu bà H và ông S phải trả lại số tiền này là có căn cứ chấp nhận.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M.

**[3] Về án phí:** Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M được chấp nhận nên bà M một không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**1/ Áp dụng:** Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39, Điều 147; Điều 227 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 463; Điều 466; Điều 470 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Luật thi hành án dân sự.

**2/ Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M.

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn S phải trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền còn nợ là 8.000.000 (*Tám triệu*) đồng.

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất của các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 02 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.*

**3/ Án phí:** Bà Nguyễn Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0027601 ngày 29/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Tp. Phan Thiết cho bà Nguyễn Thị M.

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn S phải nộp 400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật*

*Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn; báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh;
- VKS Tp. Phan Thiết;
- Chi cục THADS Tp. Phan Thiết;
- Đương sự;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Thị Thanh Hòa**